

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ- ST
Ngày 10-01-2022
V/v ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hồng
- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30-12-2021 giữa;

Nguyên đơn: Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1988- Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

HKTT: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Y

Tạm trú tại: 44/6 đường 22, khu phố I, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hoàng Anh T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị L có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20-10-2010, đến ngày 07-4-2011 anh T và chị L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Anh T và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường

xuyên cãi chửi nhau. Anh T và chị L đã sống ly thân từ năm 2018 không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh T và chị L có hai con chung, tên là Hoàng Anh Q, sinh ngày 05-5-2011 và cháu Hoàng Linh N, sinh ngày 25-5-2013, hiện nay các cháu đang ở cùng chị L. Chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Q và cháu N anh T đồng ý, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 08-12-2021 chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh Hoàng Anh T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20-10-2010, đến ngày 07-4-2011 chị L và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Y. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2016. Nay chị L xác định tình cảm không còn, anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung, tên là Hoàng Anh Q, sinh ngày 05-5-2011 và cháu Hoàng Linh N, sinh ngày 25-5-2013, hiện nay các cháu đang ở cùng chị L. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q và cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị không hòa giải, nên Tòa án chỉ tiến hành công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Anh T được ly hôn chị L; giao cháu Q và cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm*: Anh Hoàng Anh T và chị Nguyễn Thị L có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20-10-2010, đến ngày 07-4-2011 anh T và chị L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Y. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T và chị L đã sống ly thân từ năm 2016. Anh T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị L xác định tình cảm không còn, anh T xin ly hôn chị đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 27-12-2021 ở Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Y cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị L là do tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T và chị L đã sống ly thân từ năm 2016 không quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa anh T và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử anh T được ly hôn chị L.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh T có hai con chung, tên là Hoàng Anh Q, sinh ngày 05-5-2011 và cháu Hoàng Linh N, sinh ngày 25-5-2013, hiện nay các cháu đang ở cùng chị L. Anh T nhất trí để chị L trực tiếp nuôi cháu Q và cháu N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q và cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Q và cháu N ở cùng chị L từ nhỏ hiện nay đang ở cùng chị L, nguyện vọng của các cháu muốn được ở cùng chị L. Do đó chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp nguyện vọng của các con, phù hợp với thực tế được chấp nhận. Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Q và cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 271, 273, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Anh Hoàng Anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2- Về con chung xử: Giao hai cháu Hoàng Anh Q, sinh ngày 05-5-2011 và cháu Hoàng Linh N, sinh ngày 25-5-2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Anh Hoàng Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002091 ngày 18-11-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Anh Hoàng Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh